

KHUNG PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH SỬ DỤNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH AI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN TẠI VIỆT NAM

● LƯU THỊ THÁI TÂM^{1,2}

¹Giảng viên khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh,

Trường Đại học An Giang, An Giang, Việt Nam,

²Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT:

Bài viết tập trung xây dựng khung nghiên cứu nhằm xây dựng mô hình ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI (Robo-advisor) cho các nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam. Bằng cách tích hợp mô hình UTAUT2 với các nhân tố tâm lý học hành vi hiện đại như Niềm tin thuật toán (AT) và Sự trân trọng thuật toán (AA), nghiên cứu đề xuất một mô hình lý thuyết toàn diện về sự ủy thác tài sản số. Điểm nhấn của khung nghiên cứu nằm ở việc đưa Kiến thức tài chính số (DFL) vào vị trí biến điều tiết nhằm kiểm chứng khả năng hóa giải Rủi ro cảm nhận (PR) và thúc đẩy niềm tin lý trí của nhà đầu tư. Mô hình đề xuất không chỉ cung cấp một hệ thống giả thuyết khoa học về sự dịch chuyển từ tư vấn truyền thống sang "ủy thác thuật toán", mà còn tạo nền tảng lý luận quan trọng cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo về hành vi tài chính số trong bối cảnh các nền kinh tế đang chuyển đổi.

Từ khóa: khung nghiên cứu, các nhân tố tác động, ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI, nhà đầu tư.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế số toàn cầu, tư vấn tài chính AI (Robo-advisor) đã trở thành một phân khúc đột phá của ngành quản lý tài sản, với quy mô tài sản quản lý dự kiến vượt mốc 4,5 nghìn tỷ USD vào năm 2027. Tại Việt Nam, thị trường WealthTech đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, hướng tới quy mô 20 tỷ USD nhờ sự phổ cập của điện thoại thông minh và tỷ lệ thâm nhập Internet đạt 75% vào năm 2023.

Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy một "nghịch lý niềm tin": mặc dù công nghệ mang lại lợi thế về chi phí thấp và tính tiện lợi, mức độ sẵn lòng phó thác tài sản cho thuật toán của nhà đầu tư nội địa vẫn còn khoảng cách lớn so với tiềm năng.

Các mô hình truyền thống (TAM, UTAUT2) thường tập trung vào tính hữu dụng kỹ thuật mà chưa lý giải thỏa đáng sự giằng xé giữa "trân trọng thuật toán" và "né tránh thuật toán", một trạng thái

tâm lý mà người dùng ban đầu có thể ưu tiên máy móc nhưng nhanh chóng mất niềm tin khi hệ thống xảy ra sai số. Tại Việt Nam, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào đánh giá sự hài lòng của nhóm khách hàng hiện hữu (Ho Quoc Thao, 2025) mà chưa đi sâu vào việc xây dựng khung phân tích cho nhóm nhà đầu tư tiềm năng đang trong trạng thái hoài nghi. Đặc biệt, rào cản lớn nhất tại Việt Nam không chỉ dừng lại ở yếu tố công nghệ mà còn nằm ở "sự mù mờ về thuật toán" và sự thiếu hụt một hành lang pháp lý bảo vệ đủ mạnh. Do đó, nghiên cứu này đề xuất một mô hình tích hợp đa chiều, lồng ghép đồng thời "Niềm tin thuật toán" và "Kiến thức tài chính số" vào một hệ thống phân tích thống nhất. Điểm mới của nghiên cứu không chỉ nằm ở việc kế thừa các biến số công nghệ mà còn ở việc lồng ghép các nhân tố tâm lý học hành vi hiện đại và năng lực số cá nhân. Đây là nỗ lực thiết lập một khung tham chiếu hoàn chỉnh, hướng tới việc cá nhân hóa dịch vụ tài chính AI và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường Wealhtech tại Việt Nam trong giai đoạn 2026-2030.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Tư vấn tài chính AI (Robo-advisor)

Tùy vào bối cảnh kinh tế và thể chế tại từng khu vực, Robo-advisor được định nghĩa không giống nhau. Tessone (2026) định nghĩa Robo-advisor không chỉ là một công cụ tự động mà là một "hệ sinh thái ủy thác thuật toán", có khả năng tối ưu hóa thuế và tái cân bằng danh mục đầu tư theo thời gian thực, những tác vụ mà tư vấn viên truyền thống khó có thể thực hiện chính xác và liên tục với chi phí thấp.

Rohilla (2024) biện giải Robo-advisor là một "Công nghệ tài chính có trách nhiệm" nhấn mạnh rằng định nghĩa về Robo-advisor phải gắn liền với tính minh bạch của thuật toán nhằm đảm bảo các quyết định tài chính tự động tuân thủ các quy định.

Chen (2025) định nghĩa Robo-advisor là "tư vấn nhúng", nghĩa là Robo-advisor không tồn tại độc lập mà được tích hợp sâu vào các siêu ứng dụng.

Tại Việt Nam, Tran và cs. (2025) bổ sung thêm Robo-advisor được hiểu là một "công cụ dân chủ hóa tài chính", tạo cơ hội tiếp cận dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp cho nhóm khách hàng đại chúng là những người trước đây bị các ngân hàng tư nhân

bỏ qua do rào cản về quy mô tài sản tối thiểu.

Tóm lại, sự dịch chuyển từ "tư vấn dựa trên kinh nghiệm" sang "tư vấn dựa trên dữ liệu" chính là quá trình "Khách quan hóa quyết định đầu tư", giúp loại bỏ các bias tâm lý điển hình như sự quá tự tin hay tâm lý đám đông là những yếu tố vốn thường xuyên gây tổn thất cho nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam.

2.1.2. Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI

Tessone (2026) định nghĩa ý định chấp nhận Robo-advisor là "Sự cam kết nhận thức", tác giả cho rằng, ý định này hình thành khi nhà đầu tư vượt qua được sự phân vân giữa lợi ích chi phí thấp và rủi ro thuật toán. Ý định chấp nhận tại Mỹ thường gắn liền với sự chủ động tìm kiếm thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các danh mục đầu tư mẫu do AI đề xuất.

Rohilla (2024) biện giải ý định chấp nhận là kết quả của "Phân tích lợi ích - rủi ro tích hợp", không chỉ là sự yêu thích công nghệ mà là một quyết định lý trí dựa trên việc cân bằng giữa tính hiệu quả của thuật toán và các tiêu chuẩn đạo đức AI.

Tran và cs. (2025) định nghĩa ý định chấp nhận Robo-advisor của nhà đầu tư Việt Nam là "Sự kỳ vọng vào sự minh bạch hóa". Do đặc thù thị trường còn non trẻ, ý định sử dụng Robo-advisor tại Việt Nam thường xuất phát từ mong muốn tìm kiếm một công cụ tư vấn khách quan, ít bị chi phối bởi lợi ích nhóm hay cảm xúc cá nhân của môi giới truyền thống.

Qua lược khảo cho thấy, khái niệm ý định chấp nhận Robo-advisor cũng không thống nhất giữa các thị trường nghiên cứu khác nhau. Đồng thời ý định chấp nhận tại mỗi khu vực có một "động cơ" khác nhau, chẳng hạn như Mỹ là cam kết, châu Âu là đạo đức, Trung Quốc là xã hội, và Việt Nam là minh bạch.

2.1.3. Các nhân tố tác động đến ý định chấp nhận Robo-advisor

2.1.3.1. Nhóm nhân tố công nghệ và hiệu quả thực dụng (PE, EE)

+ Kỳ vọng hiệu quả (PE): Đo lường niềm tin vào khả năng tối ưu hóa tài chính của AI. Al-Qudah & Yang (2024) xác nhận PE dự báo mạnh mẽ nhất ý định hành vi nhờ năng lực tái cân bằng danh mục chính xác. White (2025) lập luận phí quản lý thấp của AI là "động lực tài chính" giúp dân chủ hóa dịch vụ tài chính.

+ Kỳ vọng nỗ lực (EE): Phản ánh tính dễ sử dụng của hệ thống. Schmidt và cs. (2024) chỉ ra rằng giao diện tối giản giúp giảm "chi phí nhận thức", hỗ trợ nhà đầu tư không chuyên xóa bỏ e ngại và làm chủ công nghệ.

2.1.3.2. Nhóm nhân tố tâm lý học và niềm tin thuật toán (AT, AA)

+ Niềm tin vào thuật toán (AT): Dựa trên năng lực kỹ thuật và tính liên chính của hệ thống. Tessone (2026) khẳng định niềm tin là tiền đề cốt yếu để hình thành ý định hành vi trong môi trường rủi ro.

+ Sự trân trọng thuật toán (AA): Xu hướng ưu tiên lời khuyên từ máy móc trong các tác vụ logic. Kakkar và cs. (2025) biện giải tính phi cảm xúc của AI giúp loại bỏ thiên kiến hành vi, từ đó thúc đẩy ý định sử dụng.

2.1.3.3. Nhóm nhân tố môi trường và hệ sinh thái (SI, RS)

+ Ảnh hưởng xã hội (SI): Áp lực từ chuẩn mực nhóm. Chen (2025) xác nhận bảo chứng từ cộng đồng mạng và KOLs là động lực đẩy cao ý định chấp nhận tại các thị trường Á Đông.

+ Sự sẵn sàng của hành lang pháp lý (RS): Niềm tin vào cơ chế bảo vệ của Chính phủ. Mei (2024) chứng minh khung pháp lý minh bạch đóng vai trò "tấm lưới an toàn" giúp giảm hoài nghi của nhà đầu tư.

2.1.3.4. Nhóm nhân tố đặc điểm và năng lực cá nhân (PI, DSE)

+ Tính sáng tạo công nghệ (PI): Mức độ sẵn lòng thử nghiệm cái mới. Alkadi và Abed (2025) xác nhận người có PI cao dễ chấp nhận Robo-advisor sớm hơn do sự tò mò và khả năng chịu đựng rủi ro kỹ thuật.

+ Sự tự tin kỹ thuật số (DSE): Niềm tin vào năng lực làm chủ công cụ số của bản thân. Islam & Khan (2024) biện giải DSE cao giúp nhà đầu tư chủ động thiết lập ý định hành vi thay vì cảm thấy bị đe dọa bởi thuật toán.

2.1.3.5. Nhân tố rủi ro cảm nhận (PR)

Rủi ro cảm nhận là rào cản đa chiều bao gồm tài chính, bảo mật và vận hành. Thu và cs. (2025) chỉ ra thiếu hụt hành lang pháp lý bảo vệ trước sai số thuật toán là rào cản lớn nhất tại Việt Nam. Theo Venkatesh và cs. (2012), khi quyền kiểm soát tài sản bị đe dọa mà thiếu cơ chế bảo hiểm pháp lý, sự tin cậy sẽ bị triệt tiêu, dẫn đến việc trì hoãn hoặc từ chối dịch vụ.

2.1.4. Vai trò điều tiết của kiến thức tài chính số

Kiến thức tài chính số là sự kết hợp giữa hiểu biết về tài chính và kỹ năng vận hành công nghệ số (Qadoos và cs., 2025). Kiến thức tài chính số được xác định đóng vai trò điều tiết phản ánh sự giao thoa giữa hiểu biết về các nguyên tắc tài chính cơ bản và năng lực sử dụng các công nghệ số. Tại Việt Nam, nơi trình độ tri thức số không đồng nhất, biến số này là nhân tố quyết định sự khác biệt trong hành vi đầu tư giữa các phân khúc khách hàng Tran và cs. (2025).

2.2. Lý thuyết nền liên quan

Nghiên cứu này xây dựng khung phân tích dựa trên sự tích hợp của 3 lý thuyết nền tảng cốt lõi nhằm giải thích đa chiều hành vi của nhà đầu tư cá nhân trong hệ sinh thái tài chính số. Bao gồm Lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT2) (Venkatesh & cs., 2012); Lý thuyết Tin cậy (Mayer và cs., 1995) và Lý thuyết trân trọng thuật toán (Logg và cs., 2019).

3. Tổng quan nghiên cứu và xây dựng các giả thuyết nghiên cứu

3.1. Tác động của nhân tố công nghệ và hiệu quả thực dụng đến ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI

3.1.1. Kỳ vọng hiệu quả (PE)

Al-Qudah và Yang (2024) khẳng định, PE là nhân tố dự báo mạnh mẽ nhất cho ý định hành vi của nhà đầu tư nhờ vào năng lực tái cân bằng danh mục tự động một cách chính xác theo thời gian thực, một tác vụ phức tạp mà các cố vấn truyền thống khó có thể thực hiện liên tục với mức chi phí thấp. White (2025) lập luận, lợi thế cạnh tranh về phí quản lý thấp của AI tạo ra một "động lực tài chính" trực tiếp, đóng vai trò then chốt trong việc dân chủ hóa dịch vụ quản lý tài sản cao cấp cho nhóm nhà đầu tư đại chúng.

H1: Kỳ vọng hiệu quả có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.1.2. Kỳ vọng nỗ lực (EE)

Schmidt và cs. (2024) biện giải, một giao diện tối giản và quy trình tương tác trực quan giúp giảm thiểu đáng kể "chi phí nhận thức" cho người dùng. Khi các rào cản về thao tác được gỡ bỏ, nhà đầu tư không chuyên sẽ cảm thấy tự tin hơn trong việc làm chủ công nghệ và ra quyết định tài chính mà không cần sự hỗ trợ trực tiếp từ con người. Tại Việt Nam,

nơi trình độ tiếp cận công nghệ tài chính có sự phân hóa rõ rệt giữa các khách hàng, kỳ vọng nỗ lực thấp đóng vai trò như một "chất xúc tác" làm gia tăng sự gắn kết và lòng tin ban đầu của người dùng đối với hệ thống.

H2: Kỳ vọng nỗ lực có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.2. Tác động của nhân tố tâm lý và niềm tin thuật toán đến ý định chấp nhận Robo-advisor

3.2.1. Niềm tin vào thuật toán (AT)

Tessone (2026) khẳng định, niềm tin là tiền đề cốt yếu để hình thành ý định hành vi trong môi trường rủi ro và bất định. Tại Việt Nam, nơi "nghịch lý niềm tin" còn hiện hữu, việc củng cố AT giúp nhà đầu tư vượt qua e ngại về rủi ro vận hành và sự thiếu hụt hành lang pháp lý. Khi người dùng tin tưởng vào tính khách quan và khả năng xử lý dữ liệu nhất quán của thuật toán, họ sẽ sẵn lòng ủy thác quyền quyết định tài sản cho hệ thống.

H3: Niềm tin vào thuật toán có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.2.2. Sự trân trọng thuật toán (AA)

Kakkar và cs. (2025) biện giải, đặc tính phi cảm xúc của AI giúp triệt tiêu các thiên kiến hành vi, từ đó thúc đẩy ý định sử dụng hệ thống. Tại Việt Nam, nơi quyết định đầu tư thường bị chi phối bởi hiệu ứng đám đông, sự trân trọng thuật toán đóng vai trò là "mỏ neo lý trí", giúp người dùng duy trì chiến lược đầu tư kỷ luật và khoa học hơn.

H4: Sự trân trọng thuật toán có tác động thuận chiều đến ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.3. Tác động của nhân tố môi trường và áp lực thể chế đến ý định chấp nhận Robo-advisor

3.3.1. Ảnh hưởng xã hội (SI)

Zhang (2025) kết luận, sự bảo chứng từ cộng đồng trực tuyến và các KOLs tài chính giúp tăng tốc độ chấp nhận Robo-advisor nhờ hiệu ứng mạng lưới. Schmidt và cs. (2024) chỉ ra, sự gia tăng thảo luận về AI trên các diễn đàn đầu tư uy tín đã tạo ra một "áp lực đồng trang lứa" tích cực, thúc đẩy các nhà đầu tư cá nhân thử nghiệm công nghệ để không bị tụt hậu. Đặc biệt, tại các thị trường có tính tập thể cao như Việt Nam, sức mạnh từ các hội nhóm đầu tư và lời khuyên từ người có ảnh hưởng là động lực cốt lõi để chuyển hóa sự tò mò thành ý định hành vi.

H5: Ảnh hưởng xã hội có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.3.2. Sự sẵn sàng pháp lý (RS)

Wilson (2022) nhấn mạnh, các quy định như GDPR hay khung pháp lý về AI của EU đã tạo ra một môi trường an toàn, thúc đẩy ý định sử dụng tư vấn tài chính AI một cách bền vững. Tương tự, Hellmann và cs. (2024) khẳng định, các chương trình thử nghiệm có kiểm soát là nhân tố quyết định giúp nhà đầu tư tin tưởng hơn vào tính chính trực của các nền tảng Fintech. Khi nhà đầu tư cảm thấy Chính phủ có cơ chế bảo vệ trước các sự cố dữ liệu hoặc phá sản hệ thống, họ sẽ sẵn lòng phó thác tài sản cho AI hơn. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H6 như sau:

H6: Sự sẵn sàng pháp lý có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.4. Tác động của nhân tố đặc điểm và năng lực cá nhân đến ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI

3.4.1. Tính sáng tạo công nghệ cá nhân (PI)

Lee và cs. (2025) khẳng định, PI là nhân tố dự báo quan trọng cho ý định sử dụng tư vấn tài chính AI, đặc biệt ở nhóm nhà đầu tư trẻ. Họ coi việc sử dụng AI không chỉ là đầu tư mà còn là một trải nghiệm công nghệ thú vị. Miller và cs. (2024) tìm thấy bằng chứng thực nghiệm những người có tính sáng tạo cao thường ít bị ảnh hưởng bởi tâm lý "né tránh thuật toán", giúp họ hình thành ý định chấp nhận nhanh chóng hơn so với nhóm bảo thủ.

H7: Tính sáng tạo công nghệ cá nhân có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.4.2. Sự tự tin kỹ thuật số (DSE)

Sharma và cs. (2026) thực nghiệm tại các thị trường tài chính phát triển và xác nhận, DSE có tác động trực tiếp đến ý định hành vi. Những nhà đầu tư tự tin vào kỹ năng số của mình thường đánh giá thấp mức độ nỗ lực và đánh giá cao tính hữu dụng của AI. Wilson (2022) khẳng định mức độ tự tin kỹ thuật số tỷ lệ thuận với sự sẵn lòng tương tác với các giao diện tư vấn AI phức tạp.

H8: Sự tự tin kỹ thuật số có tác động thuận chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.5. Tác động của rủi ro cảm nhận (PR) đến ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI

Nghiên cứu của Arora và cs. (2025) khẳng định, ngay cả khi Robo-advisor chứng minh được hiệu quả tài chính vượt trội, ý định sử dụng vẫn bị sụt giảm nghiêm trọng nếu người dùng lo ngại về khả năng rò rỉ thông tin cá nhân hoặc bị tấn công mạng. Lu (2024) chỉ ra, "rủi ro tâm lý" như cảm giác mất quyền kiểm soát đối với tài sản của mình sẽ có tác động tiêu cực mạnh mẽ đến ý định chấp nhận.

H9: Rủi ro cảm nhận có tác động ngược chiều đến Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

3.6. Vai trò điều tiết của Kiến thức tài chính số (DFL)

Saleem và cs. (2026) nhận định những nhà đầu tư có trình độ DFL cao, mức độ tác động của Niềm tin thuật toán (AT) và Sự trân trọng thuật toán (AA) đến Ý định chấp nhận (AI) tăng mạnh hơn khi họ có khả năng kiến thức hiểu biết về cơ chế hoạt động của AI. Khan và cs. (2023) cũng phát hiện, khi người dùng có kiến thức, họ biết cách phân biệt giữa rủi ro thị trường tất yếu và rủi ro kỹ thuật có thể kiểm soát, từ đó duy trì ý

định sử dụng ngay cả khi đối mặt với sự bất định. Tại Việt Nam, Phung và Nguyen (2025) lập luận rằng DFL đóng vai trò điều tiết tích cực các mối quan hệ giữa các nhân tố và Ý định chấp nhận, đồng thời làm suy giảm tác động tiêu cực của Rủi ro cảm nhận.

H10: Kiến thức tài chính số đóng vai trò điều tiết làm tăng cường mức quan hệ tích cực giữa các nhân tố và Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

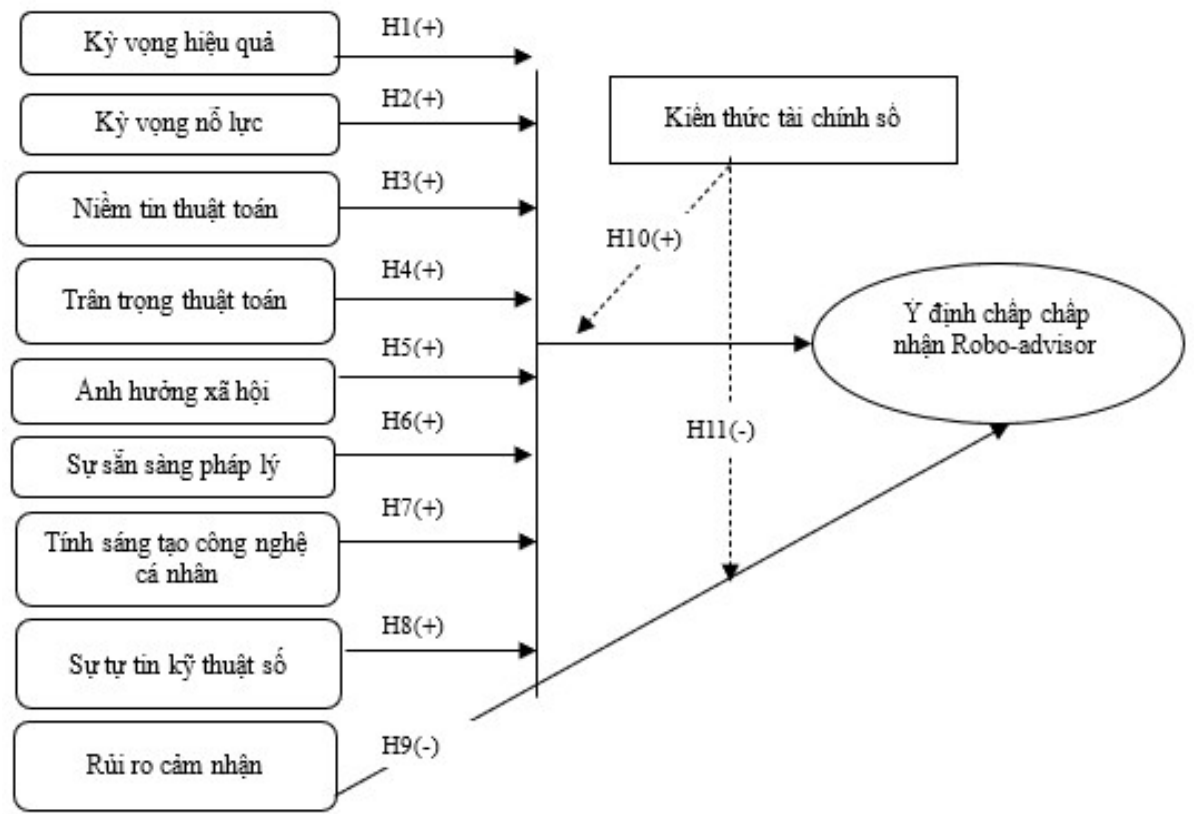
H11: Kiến thức tài chính số đóng vai trò điều tiết làm giảm bớt mức độ quan hệ tiêu cực giữa rủi ro cảm nhận và Ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI.

Từ đó, mô hình nghiên cứu chính thức được đề xuất cụ thể như Hình 1.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã thiết lập một khung phân tích hệ thống và mô hình tích hợp đa chiều nhằm dự báo ý định chấp nhận tư vấn tài chính AI của nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam. Điểm mới của mô hình là vai trò điều tiết của kiến thức tài chính số, giúp chuyển hóa

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



hoài nghi về "hộp đen" thuật toán thành sự cam kết nhận thức dựa trên lý trí. Tại Việt Nam, các nghiên cứu trước đây thường chỉ dừng lại ở việc đánh giá sự hài lòng của người dùng hiện hữu mà chưa đi sâu vào nhóm nhà đầu tư tiềm năng đang hoài nghi. Do đó, tính mới trong các nghiên cứu tiếp theo cần tập

trung vào việc cá nhân hóa dịch vụ tài chính AI và xây dựng hệ thống "AI có thể giải thích" (XAI) để minh bạch hóa quy trình ra quyết định. Đây là nền tảng cốt lõi để dân chủ hóa dịch vụ quản lý tài sản và thúc đẩy thị trường Wealthtech Việt Nam phát triển bền vững trong giai đoạn 2026-2030■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Alkadi, R. S., & Abed, S. S. (2025). AI in Banking: What Drives Generation Z to Adopt AI-Enabled Voice Assistants in Saudi Arabia? *International Journal of Financial Studies*, 13(1), 36.
- Al-Qudah, S., & Yang, M. (2024). Effective hybrid structure health monitoring through parametric study of GoogLeNet. *AI*, 5(3), 1558-1574.
- Arora, S., Rajesh, A., Misra, R., & Singh, G. (2025). Bridging technology and trust: The role of AI-driven robo-advisors in middle-class financial management. *Management Decision*, 1–24. <https://doi.org/10.1108/MD-01-2025-0093>
- Chen, H. (2025). the Age of Super-Apps: Insights From China's Evolving. *Regulation, Emerging Risk, and Ethics in FinTech and AI*, 163.
- Hellmann, T. F., Montag, A., & Vulkan, N. (2024). The impact of the regulatory sandbox on the fintech industry. Available at SSRN 4187295.
- HO, T. Q. (không ngày). INVESTIGATING THE ADOPTION OF ROBO-ADVISORS IN THE VIETNAM FINANCIAL SECURITIES SECTOR: PERSPECTIVES FROM LOCAL INVESTORS.
- Islam, K. A., & Khan, M. S. (2024). The role of financial literacy, digital literacy, and financial self-efficacy in FinTech adoption. *Investment Management & Financial Innovations*, 21(2), 370.
- Kakkar, A., Krishan, B., & Kumar, S. (2025). The Evolution of Wealth Management: Harnessing Artificial Intelligence for Success. Trong *AI-Driven Finance in the VUCA World* (69-95). Auerbach Publications.
- Khan, M. T. I., Liew, T. W., & Lee, X. Y. (2023). Fintech literacy among millennials: The roles of financial literacy and education. *Cogent Social Sciences*, 9(2), 2281046. <https://doi.org/10.1080/23311886.2023.2281046>
- Lee, D. W., Kim, Y., Guvenoz, D., Jeong, S., Malachowsky, P., Morency, L.-P., Breazeal, C., & Park, H. W. (2025). The Human Robot Social Interaction (HSRI) Dataset: Benchmarking Foundational Models' Social Reasoning. *arXiv e-prints*, arXiv-2504.
- Lu, W. (2024). Inevitable challenges of autonomy: Ethical concerns in personalized algorithmic decision-making. *Humanities and Social Sciences Communications*, 11(1), 1321. <https://doi.org/10.1057/s41599-024-03864-y>
- Mei, Y. (2024). Exploring the mechanisms driving elderly Fintech engagement: The role of social influence and the elderly's digital literacy. *Frontiers in psychology*, 15, 1420147.
- Phung, T. M. T., & Nguyen, L. D. (2025). The effect of financial literacy and fintech usage on income levels: A study in Vietnam. *Journal of Electronic Business & Digital Economics*, 4(2), 317–333. <https://doi.org/10.1108/JEBDE-03-2025-0019>
- Qadoos, A., AbouGrad, H., Wall, J., & Sharif, S. (2025). Ai investment advisory: Examining robo-advisor adoption using financial literacy and investment experience variables. *Advances in Engineering Innovation*, 125, 201-207.
- Rohilla, T. (2024). Effects of explainable artificial intelligence on trust in financial services digital platform ecosystems.
- Saleem, S., Zeb, S., Ullah, S., Rashid, A., & Magazzino, C. (2026). The role of fintech adoption and digital financial literacy in shaping financial development: A global panel data approach. *The Japanese Political Economy*, 1-47. <https://doi.org/10.1080/2329194X.2026.2614065>
- Schmidt, J., Schutte, N. M., Buttigieg, S., Novillo-Ortiz, D., Sutherland, E., Anderson, M., de Witte, B., Peolsson, M., Unim, B., & Pavlova, M. (2024). Mapping the regulatory landscape for artificial intelligence in health within the European Union. *NPJ digital medicine*, 7(1), 229.

Sharma, G., Sharma, H., Jain, S., Singh, A., & Biswas, S. (2026). Scheduling irrigation with artificial intelligence: A systematic review on evapotranspiration based techniques. *PeerJ Computer Science*, 12, e3677.

Tessone, C. (2026). The Faithful Machine: Trust, Delegation, and Algorithm Aversion in Financial Advice. *Delegation, and Algorithm Aversion in Financial Advice* (March 03, 2026).

Thu, H. D. T., Dey, S. K., & Hoang, D. S. (2025). Embracing intelligent insights: Unveiling investor adoption of AI advice and risk appetite. *Scientific Papers of the University of Pardubice, Series D: Faculty of Economics and Administration*.

Tran, H. T., Dang, B. H., Nguyen, M. T., Pham, Q. T., & Nguyen, P. V. (2025). Artificial intelligence ethics in authoritarian Vietnam: Governance, trust, and societal tensions. *Policy Design and Practice*, 8(4), 427-441.

Venkatesh, V., Thong, J. Y., & Xu, X. (2012). Consumer acceptance and use of information technology: Extending the Unified Theory of Acceptance and Use of Technology1. *MIS quarterly*, 36(1), 157-178.

W White, C. (2025). The AI music problem: Why machine learning conflicts with musical creativity. Taylor & Francis.

Wilson, C. (2022). Public engagement and AI: A values analysis of national strategies. *Government Information Quarterly*, 39(1), 101652.

Ngày nhận bài: 10/02/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/3/2026

A FRAMEWORK OF FACTORS INFLUENCING THE INTENTION TO USE AI-DRIVEN FINANCIAL CONSULTING AMONG INDIVIDUAL INVESTORS IN VIETNAM

LUU THI THAI TAM^{1,2}

¹An Giang University, An Giang, Vietnam

²Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT

This study develops a research framework to model individual investors' intentions to adopt AI-driven financial advice (robo-advisors) in Vietnam. By integrating the UTAUT2 model with contemporary behavioral constructs, namely Algorithmic Trust (AT) and Algorithmic Appreciation (AA), the study advances a comprehensive theoretical model of digital asset delegation. Central to the framework is the inclusion of Digital Financial Literacy (DFL) as a moderating variable, enabling an examination of its role in attenuating perceived risk (PR) and strengthening rational investor confidence. The proposed model articulates a coherent system of hypotheses capturing the transition from traditional advisory practices to algorithmic delegation, while establishing a robust theoretical foundation for subsequent empirical research on digital financial behavior in emerging market contexts.

Keywords: research framework, determinants, adoption intention of AI-driven financial consulting, individual investors, Vietnam.